TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 59/2026/QĐST- DS	*Hưng Yên, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 258/2026/TLST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Chiêu M – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ

Người được uỷ quyền lại:

+ Ông Trần Tuấn K – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ.

+ Ông Nguyễn Chung A - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Nguyễn Xuân B - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Nguyễn Thành T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Quách Đức T1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Đều có địa chỉ: Đường C, KCN P, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Lò Thị M1, sinh năm 1991; Trú tại: thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Đại diện Ngân hàng ông Nguyễn Xuân B và chị Lò Thị M1 thống nhất:

Tính đến ngày 20/8/2026 thì chị M1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 222.518.265 đồng.

Trong đó:

- Nợ khoản vay hợp đồng là 50.962.550 (trong đó gốc là 78.489.409 đồng, N lãi quá hạn là 93.066.306 đồng).

- Nợ khoản vay thẻ tín dụng là 50.962.550 đồng (trong đó gốc là 13.017.991 đồng, N lãi quá hạn là 37.944.559 đồng).

Đại diện Ngân hàng yêu cầu chị Lò Thị Mới P thanh toán trả Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

- Về nợ gốc với số tiền là 91.507.400 đồng, chị Mới P thanh toán trả Ngân hàng số nợ trên làm 2 đợt cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Ngày 30/9/2026 chị Lò Thị Mới P trả Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là 44.500.000 đồng.

+ Đợt 2: Ngày 31/10/2026 chị Lò Thị Mới P trả Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là 47.007.4000 đồng.

- Về nợ lãi với số tiền là 131.010.865 đồng của Hợp đồng tín dụng số LD 2215101622 ngày 31/5/2022 và Thẻ tín dụng 324 - P - 4398434 ngày 24/5/2022: Ngân hàng yêu cầu chị Lò Thị Mới P thanh toán trả cho Ngân hàng số nợ trên vào ngày 31/10/2026 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2026 trên số nợ gốc với lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết..

- Về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Nếu chị M1 vi phạm bất kỳ đợt thanh toán trả nợ nào (trả không đúng số tiền, không đúng thời gian đã cam kết) theo lộ trình nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu Thi hành án đối với toàn bộ khoản nợ trên.

* Về án phí: Chị Lò Thị Mới P chịu 5.562.957 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí là 10.867.000 đồng theo biên lai thu số 0000936 ngày 13/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Q